

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24/02/2021

V/v: “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM -TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hảo

Hội thẩm nhân dân : 1/ Bà Đào Thị Giang

2/ Bà Trần Thị Quỳnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đoàn Bích Thu - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tham gia phiên tòa:
ông Cao Văn Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở, Tòa án ND huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 733/2020/ TLST-HNGĐ ngày 01/10/2020, Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2020/QĐXXST-DS ngày 31/12/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: bà **Nguyễn Thị H** - sinh năm 1981

HKTT: xã Thanh Bình, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

- Bị đơn: ông **Làu A Tr** - sinh năm: 1970

HKTT: xã Thanh Bình, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà H và ông Tr đăng ký kết hôn năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, ông Tr không yêu thương chăm sóc vợ con và đã ly thân gần 01 năm nay không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, không thể khắc phục được, nên bà H xin được ly hôn với ông Tr.

Về con chung: ông bà có 03 con chung là Làu Mỹ L sinh ngày 19/11/2001, cháu Làu Nhật H sinh ngày 06/10/2004 và Làu Mỹ V sinh ngày 31/7/2013. Cháu Làu Mỹ L sinh ngày 19/11/2001 đã trưởng thành và có khả năng lao động, hai bên không yêu cầu giải quyết. Bà H đề nghị giao các cháu Làu Nhật H sinh ngày 06/10/2004 và Làu Mỹ V sinh ngày 31/7/2013 cho anh Tr chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm thời không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu toà giải quyết.
- Về nợ chung: Không có nợ chung.

* Theo bản tự khai, bị đơn ông Lầu A Tr trình bày:

Ông và bà H đăng ký kết hôn năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, quá trình chung sống, đầu năm 2020 phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống kéo dài, bà H có mối quan hệ khác ở bên ngoài, hai vợ chồng đã ly thân được gần 01 năm, tuy vậy vẫn còn tình cảm nên mong bà H quay về đoàn tụ.

Về con chung: ông bà có 03 con chung là Lầu Mỹ L sinh ngày 19/11/2001, cháu Lầu Nhật H sinh ngày 06/10/2004 và Lầu Mỹ V sinh ngày 31/7/2013. Cháu Lầu Mỹ L sinh ngày 19/11/2001 đã trưởng thành và có khả năng lao động.

Bà H đề nghị giao các cháu Lầu Nhật H sinh ngày 06/10/2004 và Lầu Mỹ V sinh ngày 31/7/2013 cho ông Tr chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm thời không cấp dưỡng nuôi con chung nhưng ông Tr không có ý kiến.

- Về tài sản chung: không có ý kiến ông Tr về phần này.
- Về nợ chung: không có ý kiến ông Tr về phần này.

Vị đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm kiểm sát việc tuân theo tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật;

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các 19, 56, 81, 82 Luật hôn nhân gia đình

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.
- Về con chung: Giao 02 cháu Lầu Nhật H sinh ngày 06/10/2004 và Lầu Mỹ V sinh ngày 31/7/2013 cho anh Tr chăm sóc nuôi dưỡng, tạm thời chị Hiền không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Án Phí: chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ trong số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục THADS huyện Trảng Bom theo Biên lai thu tạm án phí số 0005772 ngày 30/9/2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông Lầu A Tr cư trú tại xã Thanh Bình, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai nên đơn khởi kiện của bà H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: bà H có đơn xin xét xử vắng mặt. Về phía ông Tr trong quá trình giải quyết vụ án không hợp tác, không đến làm việc, đã được tổng đạt, niêm yết toàn bộ thủ tục, văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt nên xác định ông Tr vắng mặt lần thứ hai không lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

Bà H ông Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện năm 2000, có đăng ký kết hôn và đã được UBND xã Phước Tân, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà H và ông Tr là có thật, quá trình giải quyết vụ án ông Tr không tiếp tục đến Tòa làm việc, hòa giải thể hiện ông không quan tâm đến việc hàn gắn đoàn tụ cùng bà H, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ. Tòa án đã thuyết phục nhưng bà H cương quyết xin ly hôn vì cho rằng không còn tình cảm với ông Tr. Ông Tr thừa nhận vợ chồng đã ly thân một thời gian nhưng không có biện pháp khắc phục, níu kéo bà H quay về. Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà H và ông Tr đã rạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt, yêu cầu xin ly hôn của bà H là có cơ sở, nên chấp nhận.

Về con chung: Bà H ông Tr có 03 con chung là Làu Mỹ L sinh ngày 19/11/2001, cháu Làu Nhật H sinh ngày 06/10/2004 và Làu Mỹ V sinh ngày 31/7/2013. Cháu Làu Mỹ L sinh ngày 19/11/2001 đã trưởng thành và có khả năng lao động, hai bên không yêu cầu giải quyết. Bà H đề nghị giao 02 cháu Làu Nhật H sinh ngày 06/10/2004 và Làu Mỹ V sinh ngày 31/7/2013 cho ông Tr chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm thời không cấp dưỡng nuôi con chung. Hai cháu Làu Nhật H và Làu Mỹ V có nguyện vọng được sống cùng ông Tr, hiện đang sống cùng ông Tr. Vì quyền lợi của trẻ, để ổn định cuộc sống của các cháu nghĩ nên giao ông Tr nuôi dưỡng các con chung là thỏa đáng. Bà H tạm thời không cấp dưỡng nuôi con, ông Tr không có yêu cầu trong vụ án này nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ: không có ý kiến ông Tr về phần này, bà H yêu cầu tài sản chung tự thỏa thuận; xác định nợ chung không có nên không đặt ra xem xét trong vụ án này.

Bà H phải nộp án phí HNGĐ-ST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Quan điểm của vị đại diện viện kiểm sát: phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28; Điều 203; Điều 220; Điều 227, Điều 235; Điều 266, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 87, 88, 89, 91, 92, 93, 94 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Làu A Tr.

- Về con chung: cháu Làu Mỹ L sinh ngày 19/11/2001 đã trưởng thành và có khả năng lao động, nên không đặt ra xem xét. Giao 02 cháu Làu Nhật H sinh

ngày 06/10/2004 và Làu Mỹ V sinh ngày 31/7/2013 cho ông TR trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Tạm thời bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về Tài sản chung, về nợ chung: tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có đơn yêu cầu.

Về án phí HNGĐ-ST: bà H phải nộp 300.000đ được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0005772 ngày 30/9/2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bà H và ông Tr biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS
- THA Dân sự
- Lưu
- UBND xã (phường) nơi ĐKKH
- Đường sự

Nguyễn Thị Phương Hảo